TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2023
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Anh Tuấn và ông Nguyễn Văn Thống

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình *tham gia phiên toà:* Ông Trương Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXX - ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 17, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ:Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

(Chị L, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Chị Trần Thị L trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện,

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 09-11-2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T có đánh chửi chị. Hai bên đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Tkhông còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 21-6-2007, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu L ở với anh T. Chị có nguyện vọng giao cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, có lời khai của bị đơn – Anh Nguyễn Văn T thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như lời trình bày của chị L là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L đi làm ăn xa, không có trách nhiệm với gia đình, không gửi tiền về nuôi con. Chị L bỏ đi từ năm 2019, không trở về nhà và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị L cũng không còn và nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị L đã trình bày, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy L cho đến khi đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án cầu giải quyết.

Ý kiến của con chung: Cháu Nguyễn Thùy L có nguyện vọng ở với bố.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4

Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L để xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy L sinh ngày 21-6-2007 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, chị L không cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 09-11-2006, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do hai bên không có trách nhiệm và sự quan tâm giành cho nhau, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T có một con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 21-6-2007. Chị L và anh T đều có nguyện vọng

giao cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, xét yêu cầu của chị L và anh T đều phù hợp với thực tế (hiện nay, cháu L đang ở với bố được theo học và có chỗ ở ổn định) và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận. Chị L không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết của Thẩm phán, thư ký, của Hội đồng xét xử, của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết nội dung vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban hường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 21-6-2007 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật. Chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0002934 ngày 18-11-2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (xác nhận chị L đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND xã M ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lê Thị Thanh Nga